

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST

Ngày: 25 – 7 – 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Võ Tuyết Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: 41 và 45 L, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Ngọc N. Chức vụ: Quyền Giám đốc PGD P. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Thái Ngọc M, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Sơn Ngọc N trình bày:*

Vào ngày 06/9/2018, Ngân hàng TMCP P –phòng giao dịch P và chị Thái Ngọc M đã ký kết Hợp đồng thẻ số 0347/2018/HĐTD-THE-TTBL-PGDPL (là Giấy đăng ký thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2018) với số tiền hạn mức thẻ là 14.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 26%/năm trong 04 tháng đầu, từ tháng thứ 5 trở đi áp dụng lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, khi chị M rút tiền thì tiền gốc và tiền lãi sẽ phải trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15.

Quá trình sử dụng thẻ thì vào ngày 15/10/2018, chị M đã rút số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi rút tiền, chị M có trả cho Ngân hàng được số tiền là 12.053.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.715.573 đồng, tiền lãi 7.537.427 đồng, phí phạt chậm trả là 1.800.000 đồng) thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/5/2021.

Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Thái Ngọc M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 25/7/2023 là 81.588.185 đồng (trong đó nợ gốc là 12.184.427 đồng, nợ lãi là 29.038.624 đồng và phí là 40.365.134 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 theo thỏa thuận trong hợp đồng thẻ đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng TMCP P không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Thái Ngọc M trình bày:*

Chị thừa nhận vào ngày 06/9/2018 chị có đăng ký mở thẻ tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP P, phòng giao dịch Phước Long với hạn mức 14.000.000 đồng. Sau khi mở thẻ chị thừa nhận đến ngày 10/10/2018 chị có rút số tiền 14.000.000 đồng từ thẻ tín dụng chị đã mở tại Ngân hàng TMCP P. Sau khi rút tiền thì bắt đầu từ tháng 11 hàng tháng chị đến Ngân hàng để nộp tiền trả vào thẻ đối với số tiền chị đã rút, chị đã trả cho Ngân hàng TMCP P với tổng số tiền 11.980.000 đồng nhưng chị không xác định tiền gốc và tiền lãi bao nhiêu vì Ngân hàng không có nói cho chị biết.

Từ ngày 10/02/2021 cho đến nay chị không thanh toán cho Ngân hàng TMCP P thêm khoản nào khác. Như vậy chị đã trả cho Ngân hàng TMCP P được tổng số tiền 11.980.000 đồng đối với số tiền chị đã rút từ thẻ tín dụng là 14.000.000 đồng. Do đó, chị chỉ còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền gốc là 2.020.000 đồng. Nay Ngân hàng TMCP P tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2022 là 48.456.808 đồng, trong đó nợ gốc 12.184.000 đồng, nợ lãi 26.272.381 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/11/2022 là chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Nay chị chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc còn nợ là 2.020.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi trên số tiền gốc 2.020.000 đồng từ ngày 09/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo Ngân hàng nhà nước quy định hiện nay. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc chị M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền vay của hợp đồng cấp thẻ tín dụng tính đến ngày 25/7/2023 là 81.588.185 đồng (trong đó nợ gốc là 12.184.427 đồng, nợ lãi là 29.038.624 đồng và phí 40.365.134 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền vay còn nợ, chị M cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N và chị M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 06/9/2018, Ngân hàng TMCP P –phòng giao dịch Phước Long và chị Thái Ngọc M đã ký kết Hợp đồng thẻ số 0347/2018/HĐTD-THE-TTBL-PGDPL (là Giấy đăng ký thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/9/2018) với số tiền hạn mức thẻ là 14.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 26%/năm trong 04 tháng đầu, từ tháng thứ 5 trở đi áp dụng lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Chị M thừa nhận quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì vào ngày 15/10/2018, chị M đã rút số tiền 14.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Sau khi rút tiền, chị M xác định đã trả cho Ngân hàng được số tiền 11.980.000 đồng, còn Ngân hàng xác định chị M có trả cho Ngân hàng TMCP P được tổng số tiền là 12.053.000 đồng, nên chấp nhận theo lời trình bày của Ngân hàng vì có lợi cho chị M. Chị M cho rằng số tiền này là chị M trả vào tiền gốc, không trả tiền lãi vì Ngân hàng không nói chị M biết phải trả lãi. Tuy nhiên, xét thấy tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/9/2018 do chị M ký với Ngân hàng TMCP P tại mục 10 có nội dung “*Bằng việc ký vào Mẫu đơn này, tôi xác nhận rằng Tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế OCB...*”. Căn cứ Quyết định Ngân hàng TMCP P về việc ban hành quy định biểu phí, lãi suất và hạn mức giao dịch thẻ tín

dụng do OCB phát hành có quy định lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 4% số tiền đề nghị thanh toán, tối thiểu 200.000 VNĐ. Do đó việc chị M cho rằng số tiền chị M đã thanh toán 11.980.000 đồng là trả cho tiền gốc, không phải trả tiền lãi nên chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc còn nợ là 2.020.000 đồng và chỉ đồng ý trả tiền lãi trên số tiền gốc 2.020.000 đồng từ ngày 09/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo Ngân hàng nhà nước quy định hiện nay là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Quá trình sử dụng thẻ thì vào ngày 15/10/2018, chị M đã rút số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi rút tiền, chị M có trả cho Ngân hàng được số tiền là 12.053.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.715.573 đồng, tiền lãi 7.537.427 đồng, phí là 1.800.000 đồng) thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/5/2021. Vì vậy, chị M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu chị M phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Xét yêu cầu trả tiền gốc: Sau khi rút số tiền 14.000.000 đồng, chị M đã trả được số tiền gốc 2.715.573 đồng, còn nợ tiền gốc là 12.184.427 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chị M còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền gốc là 12.184.427 đồng nên Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Như đã nêu trên việc sử dụng thẻ tín dụng có lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 4% số tiền đề nghị thanh toán, tối thiểu 200.000 VNĐ, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do chị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu chị M phải trả tiền lãi là 29.038.624 đồng và phí là 40.365.134 đồng theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P, buộc chị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền vay tính đến ngày 25/7/2023 là 81.588.185 đồng (trong đó nợ gốc là 12.184.427 đồng, nợ lãi là 29.038.624 đồng và phí là 40.365.134 đồng). Đồng thời kể từ ngày 26/7/2023, chị M còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP P.

[9] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của Ngân hàng TMCP P được chấp nhận là 4.079.000 đồng. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với chị Thái Ngọc M.

Buộc chị Thái Ngọc M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay còn nợ tính đến ngày 25/7/2023 là 81.588.185 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 12.184.427 đồng, nợ lãi là 29.038.624 đồng và phí phạt chậm trả 40.365.134 đồng.

Kể từ ngày 26/7/2023 chị Thái Ngọc M còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

2. Về án phí: Chị Thái Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.079.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P không phải chịu án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần P đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.211.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005732 ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Yên Ly